

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-03-2018
V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thu Lan;
2. Bà Trần Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang là Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa các đương S:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Minh L, sinh năm 1976, ĐKKHKT: Thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, hiện trú tại: Số x tổ y phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Huy S, sinh năm 1962, trú tại: Thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Minh L trình bày:

Chị và Phạm Duy S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại C quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống chị và anh S thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên

nhiều lần xảy ra cãi nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngọt ngát. Năm 2015 anh S làm kinh tế bị thất thoát dẫn đến nợ nần. Vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xét không còn tình cảm với anh S, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Duy S.

Về con chung: Chị và anh Phạm Duy S có 02 con chung là Bùi Phạm Duy T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2011 và Bùi Phạm Mỹ C, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014. Chị đề nghị được nuôi 02 con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi mỗi con là 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng)

Về tài sản chung và công nợ: Chị L tự thỏa thuận với anh S, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Duy S trình bày: Anh thống nhất với chị L về thời gian, điều kiện chung sống và việc anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, sống không tôn trọng nhau và sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị L xin ly hôn anh, anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Nghiêm thống nhất vợ chồng có 02 con chung họ, tên, tuổi như chị L trình bày. Chị L nhận nuôi 02 con, anh nhất trí và anh cấp dưỡng nuôi mỗi con 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng).

Về tài sản chung, công nợ: Anh tự thỏa thuận với chị L, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa đến trước thời điểm Nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Bùi Thị Minh L và bị đơn anh Phạm Duy S đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử không công nhận chị Bùi Thị Minh L và anh Phạm Duy S là vợ chồng; về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Bùi Thị Minh L nuôi dưỡng 02 con chung là hai con giao là Bùi Phạm Duy T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2011 và Bùi Phạm Mỹ C, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014, anh Phạm Duy S cấp dưỡng nuôi mỗi con là 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng); về tài sản chung, công nợ: Chị L và anh S không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Bùi Thị Minh L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân S sơ thẩm, anh Phạm Duy S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân S.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Minh L và anh Phạm Duy S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không có chung quan điểm, không có tiếng nói chung, tính cách, lối sống không phù hợp nhau. Vợ chồng sống yêu thương và tôn trọng nhau nên nhiều lần xảy ra cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, hai bên không quan tâm nhau. Căn cứ vào lời khai của các đương S, tài liệu xác minh và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xác định chị Bùi Thị Minh L và anh Phạm Duy S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Minh L và anh Phạm Duy S.

[3]. Về con chung: Chị Bùi Thị Minh L và anh Phạm Duy S có hai con chung là Bùi Phạm Duy T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2011 và Bùi Phạm Mỹ C, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014. Chị L và anh S thỏa thuận chị L nuôi 02 con anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng) nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ: Chị L và anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị Minh L phải nộp án phí dân S sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Duy S phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân S.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15, 53, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Minh L và anh Trần Văn Nghiêm.

2. Về con chung: Giao con Bùi Phạm Duy T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2011 và Bùi Phạm Mỹ C, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014 cho chị Bùi Thị Minh L nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có S thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Duy S cấp dưỡng nuôi con Bùi Phạm Duy T 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng) và cấp dưỡng nuôi con Bùi Phạm Mỹ C 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng) kể từ tháng 3 năm 2018 đến khi con Bùi Phạm Duy T và con Bùi Phạm Mỹ C dduer 18 tuổi hoặc có S thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Bùi Thị Minh L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân S sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002694 ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân S huyện An Lão. Chị L đã nộp đủ án phí dân S sơ thẩm.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Duy S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân S sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Bùi Thị Minh L và anh Phạm Duy S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương S;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn